TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÀI TẬP LỚN**

**MÔN PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU**

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN**

*Người hướng dẫn*: **TS. NGUYỄN TRỌNG NHÂN**

*Người thực hiện*: **HOÀNG KIẾN THIẾT – 51702187**

Lớp **: 17050202**

Khoá  **: 21**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÀI TẬP LỚN**

**MÔN PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU**

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN**

Người hướng dẫn: **TS. NGUYỄN TRỌNG NHÂN**

Người thực hiện: **HOÀNG KIẾN THIẾT**

Lớp **: 17050202**

Khoá  **: 21**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020**

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến giảng viên Nguyễn Trọng Nhân, người phụ trách dạy môn Phân tích và thiết kế yêu cầu này. Thầy đã tận tình truyền đạt lại cho tôi những kiến thức liên quan đến môn học, từ đó giúp tôi có đủ kiến thức để thực hiện bài báo cáo này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Tôn Đức Thắng lời cảm ơn sâu sắc nhất. Trường đã tạo đủ điều kiện cho tôi cùng bao sinh viên khác tiếp cận kiến thức, có thư viện hiện đại và môi trường học tập, nghiên cứu thông minh, qua đó giúp ích rất nhiều trong việc trau dồi kiến thức chuyên nghành nói chung và môn học Phân tích và thiết kế yêu cầu nói riêng.

**BÁO CÁO ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm bài tập lớn của riêng tôi. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong bài tập lớn này còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung tiểu luận của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Hoàng Kiến Thiết*

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

**Phần xác nhận của GV hướng dẫn ( nếu có )**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

**Phần đánh giá của GV chấm bài**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

TÓM TẮT

Bài báo cáo này gồm ba nội dung chính dựa theo đề bài yêu cầu phân tích và thiết kế yêu cầu cho hệ thống quản lý khách sạn. Trong đó nội dung đầu tiên là giai đoạn tìm hiểu và phân tích yêu cầu. Tiếp theo là sơ đồ usecase của hệ thống quản lý khách sạn và cuối cùng là nội dung đặc tả sơ đồ usecase.

Trong phần đầu tiên của bài báo cáo, tôi chú trọng tìm hiểu về các quy trình nghiệp vụ, các nhiệm vụ cơ bản của hệ thống dựa trên kiến thức cá nhân và đặc tả của đề bài. Từ những tìm hiểu đó tôi tiến hành viết đặc tả hệ thống và xác định các actor, usecase chính trong hệ thống.

Sau khi tìm hiểu và phân tích, tôi tiến hành vẽ sơ đồ usecase cho hệ thống quản lý khách sạn và cuối cùng là viết đặc tả cho sơ đồ usecase trên.

MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN i](#_Toc53584342)

[PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN iii](#_Toc53584343)

[TÓM TẮT iv](#_Toc53584344)

[MỤC LỤC 1](#_Toc53584345)

[CHƯƠNG 1 – TÌM HIỂU VÀ PHÂN TÍCH YÊU CẦU 3](#_Toc53584346)

[1.1 Các nhiệm vụ cơ bản của hệ thống 3](#_Toc53584347)

[1.2 Các quy trình nghiệp vụ 3](#_Toc53584348)

[1.2.1 Quy trình quản lý việc thuê phòng 3](#_Toc53584349)

[1.2.2 Quy trình quản lý thông tin khách thuê phòng và thông tin, tình trạng thuê phòng của mỗi khách hàng 4](#_Toc53584350)

[1.2.3 Quy trình quản lý các dịch vụ do khách sạn cung cấp 4](#_Toc53584351)

[1.2.4. Quy trình quản lý việc thanh toán và thống kê doanh thu 5](#_Toc53584352)

[1.3 Đặc tả hệ thống 5](#_Toc53584353)

[1.4 Các tác nhân trong hệ thống 6](#_Toc53584354)

[1.5 Các Usecase trong hệ thống 7](#_Toc53584355)

[CHƯƠNG 2 – VẼ SƠ ĐỒ USECASE 10](#_Toc53584356)

[2.1 Sơ đồ Usecase tổng quát cho hệ thống quản lý khách sạn 10](#_Toc53584357)

[CHƯƠNG 3 – ĐẶC TẢ USECASE 11](#_Toc53584358)

[3.1 Usecase Đăng nhập ( UC01) 11](#_Toc53584359)

[3.2 Usecase Đăng xuất ( UC02) 12](#_Toc53584360)

[3.2 Usecase Cập nhật thông tin ( UC03) 13](#_Toc53584361)

[3.4 Usecase Thuê phòng ( UC04) 15](#_Toc53584362)

[3.5 Usecase Đặt phòng ( UC05) 16](#_Toc53584363)

[3.6 Usecase Kiểm tra tình trạng phòng ( UC06) 18](#_Toc53584364)

[3.7 Usecase Sử dụng dịch vụ ( UC07) 20](#_Toc53584365)

[3.8 Usecase Kiểm tra tình trạng các dịch vụ ( UC08) 20](#_Toc53584366)

[3.9 Usecase Lập phiếu sử dụng dịch vụ ( UC09) 22](#_Toc53584367)

[3.10 Usecase Thanh toán ( UC10) 23](#_Toc53584368)

[3.11 Usecase Thống kê doanh thu ( UC11) 24](#_Toc53584369)

[3.12 Usecase Xem chi tiết hóa đơn ( UC12) 26](#_Toc53584370)

[3.13 Usecase Báo cáo thống kê doanh thu ( UC13) 27](#_Toc53584371)

[3.14 Usecase Xem báo cáo thống kê doanh thu ( UC14) 28](#_Toc53584372)

[3.15 Usecase Quản lý thông tin nhân viên ( UC15) 29](#_Toc53584373)

[3.16 Usecase Quản lý thông tin admin ( UC16) 31](#_Toc53584374)

CHƯƠNG 1 – TÌM HIỂU VÀ PHÂN TÍCH YÊU CẦU

1.1 Các nhiệm vụ cơ bản của hệ thống

Hệ thống quản lý sinh viên khoa CNTT ( Công nghệ thông tin) trường TDTU (Đại học Tôn Đức Thắng) là một hệ thống bao gồm các nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Quản lý thông tin Sinh viên

- Quản lý việc đăng kí môn học của Khoa.

- Mỗi học kỳ, giáo vụ Khoa sẽ thông tin về việc đăng kí môn học, danh sách môn học được mở. Việc đăng kí môn học có những môn tự chọn, môn bắt buộc và có môn tiên quyết.

- Quản lý quá trình học tập, TKB của SV, điểm số,...

1.2 Các quy trình nghiệp vụ

1.2.1 Quy trình quản lý việc thuê phòng

Khách hàng sẽ liên hệ với bộ phận lễ tân của khách sạn thông qua các phương tiện như điện thoại, website, ứng dụng đặt phòng khách sạn để tiến hành thủ tục đăng ký phòng hoặc khách hàng có thể làm thủ tục thuê và nhận phòng trực tiếp để ở.

Tiếp theo nhân viên của bộ phận lễ sẽ kiểm tra trạng thái các phòng của khách sạn trên hệ thống. Hệ thống lúc này cần đáp ứng cung cấp tình trạng các phòng đã thuê, các phòng còn trống của khách sạn để nhân viên thông tin đến khách hàng. Sau đó khách hàng tiến hành cung cấp các thông tin do bên lễ tân yêu cầu và đặt cọc phòng dựa vào loại phòng mà khách hàng chọn. Trường hợp các tổ chức, công ty thuê phòng thì tổ chức sẽ cử đại diện đến khách sạn làm thủ tục đăng ký tương tự như cá nhân. Việc quản lý thông tin các tổ chức sẽ được quản lý như thông tin cơ quan hoặc công ty, thông tin về người đại diện sẽ được quản lý như thông tin của công chức hay nhân viên của cơ quan đó.

Khi khách hàng đến nhận phòng, khách hàng phải gửi cho bộ phận lễ tân CMND/Passport (hoặc các văn bằng tương đương còn thời hạn sử dụng). Bộ phận lễ tân sẽ căn cứ vào đó để kiểm tra lại thông tin khi khách đăng ký phòng. Sau khi kiểm tra xong, bộ phận lễ tân sẽ giữ lại các văn bằng này cho đến khách hàng làm xong thủ tục trả phòng. Sau đó BPLT sẽ kiểm tra lại tình trạng phòng để tiến hành giao phòng cho khách. Nếu khách không đồng ý thì làm thủ tục đổi phòng cho khách (nếu còn phòng trống) hoặc hủy giao dịch và hoàn tiền cọc.

Khi khách hàng check-in ở phòng, hệ thống lưu lại trạng thái của phòng từ “Đặt cọc” chuyển thành “Đang ở”. Sau khi khách hàng trả phòng, hệ thống sẽ thanh toán tổng phí bao gồm cả phí dịch vụ và phí thuê phòng, sau đó cập nhật lại trạng thái các phòng ở khách sạn và lưu thông tin khách hàng cho các lần thuê tiếp theo.

Sau khi đặt phòng, khách hàng có thể huỷ đăng ký và phải bồi thường cho khách sạn theo quy định đã thoả thuận. Hệ thống quản lý cần cập nhật các thông tin thay đổi khi cần thiết.

1.2.2 Quy trình quản lý thông tin khách thuê phòng và thông tin, tình trạng thuê phòng của mỗi khách hàng

Khi khách hàng tiến hành thuê phòng, các thông tin cần thiết của khách hàng cần phải được lưu lại và sắp xếp thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu. Quy trình quản lý thông tin và quản lý tình trạng thuê phòng của mỗi khách hàng được sử dụng để cập nhật, lưu trữ các thông tin cần thiết. Đến khi khách hàng kết thúc việc thuê phòng, các thông tin cần thiết về khách hàng, về việc thuê phòng của khách hàng sẽ được lưu lại cho lần thuê phòng tiếp theo.

1.2.3 Quy trình quản lý các dịch vụ do khách sạn cung cấp

Trong thời gian ở khách sạn, khách có thể sử dụng các loại dịch vụ do khách sạn cung cấp hay các yêu cầu phục vụ nói chung. Các yêu cầu của khách hàng sẽ do bộ phận lễ tân đảm nhiệm và đáp ứng trong phạm vi có thể của khách sạn. Khách hàng sử dụng dịch vụ xong nếu chưa thanh toán thì bộ phận dịch vụ sẽ lưu lại hoá đơn và chuyển đến bộ phận lễ tân để tính vào hoá đơn tổng.

1.2.4. Quy trình quản lý việc thanh toán và thống kê doanh thu

Sau khi hết hạn thuê phòng, khách hàng phải trả phòng cho khách sạn. Khi khách làm thủ tục trả phòng, bộ phận lễ tân sẽ kiểm tra lại tình trạng phòng, tổng hợp lại các hoá đơn sử dụng dịch vụ chưa thanh toán trong thời gian khách ở khách sạn. Sau khi tổng hợp các chi phí phải thanh toán của khách hàng, bộ phận lễ tân sẽ in ra hoá đơn tổng để khách thanh toán và trả lại CMND/Passport cho khách. Hình thức thanh toán ở khách sạn chủ yếu bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua thẻ tín dụng ngân hàng.

Sau mỗi lần giao dịch như thế, hệ thống sẽ cập nhật, lưu trữ các dữ liệu thanh toán của khách hàng. Hằng tháng sẽ có nhân viên thống kê doanh thu của khách sạn dựa trên các số liệu trên.

1.3 Đặc tả hệ thống

Hệ thống quản lý khách sạn quản lý việc thuê phòng của các khách thuê phòng. Môi phòng gồm có các thông tin như mã phòng (duy nhất), loại phòng, sức chứa của phòng, đơn giá phòng.

Thông tin về khách trọ bao gồm mã khách (duy nhất), họ tên, số CMND, địa chỉ, quốc tịch. Một khách trọ có thể đến thuê phòng tại khách sạn này nhiều lần; thông tin của mỗi lần thuê phòng gồm phòng thuê, ngày bắt đầu, ngày kết thúc. Mỗi lần thuê phòng, khách hàng xuất trình chứng minh nhân dân, số lượng khách thuê. Tuỳ vào tình hình sử dụng phòng của khách sạn mà nhân viên tiếp tiên sẽ báo với khách hàng là cần phải thuê bao nhiêu phòng. Ứng với mỗi phòng thuê chỉ cần đại diện một khách hàng đứng tên nhận phòng (để làm thủ tục liên lạc, nhận phòng, thanh toán, …). Các khách hàng còn lại được lưu lại ứng với lần thuê phòng đó.

Trong mỗi lần thuê phòng, khách trọ có thể có thêm các yêu cầu về dịch vụ (điện thoại, ăn uống, karaoke, …) và khách trọ phải trả tiền thêm cho các dịch vụ này.

Mỗi khách trọ phải thanh toán tiền cho khách sạn, thông tin về một lần thanh toán gồm ngày thanh toán, số tiền (tiền phòng và tiền dịch vụ).

Cuối tháng, nhân viên thu ngân khách sạn sẽ làm báo cáo thống kê cho ban giám đốc về tình hình thuê phòng, tổng thu về tiền phòng, tiền dịch vụ, …

1.4 Các tác nhân trong hệ thống

Các tác nhân của hệ thống quản lý khách sạn được xác định dựa vào đặc tả hệ thống bao gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | **Mô tả** |
| Khách hàng | - Là những người thực hiện việc thuê phòng của khách sạn.  - Có thể tìm kiếm thông tin, sử dụng các dịch vụ do khách sạn cung cấp . |
| Bộ phận lễ tân | - Là nhiên viên của khách sạn, giao tiếp trực tiếp với khách hàng khi khách hàng sử dụng dịch vụ hoặc tiến hành việc thuê phòng  - Cung cấp dịch vụ thuê phòng cho khách hàng |
| Bộ phận dịch vụ | - Cung cấp các dịch vụ trong khả năng hoạt động của khách sạn cho khách thuê phòng. |
| Bộ phận thu ngân | - Là nhân viên của khách sạn, có nhiệm vụ tính toán và thu tiền cọc, tiền thuê phòng của khách hàng và tiền sử dụng dịch vụ nếu có.  - Hằng tháng sẽ thống kê doanh thu của khách sạn và báo cáo cho ban giám đốc. |
| Admin | - Bao gồm nhiều nhiều Admin1, Admin2, Admin3.  - Admin1 sẽ quản lý các admin còn lại.  - Các admin khác sẽ quản lý từng bộ phận riêng của khách sạn |
| Ban giám đốc | - Là bộ phận có cấp bậc cao nhất của khách sạn và chịu trách nhiệm cho tất cả hoạt động, dịch vụ của khách sạn. |

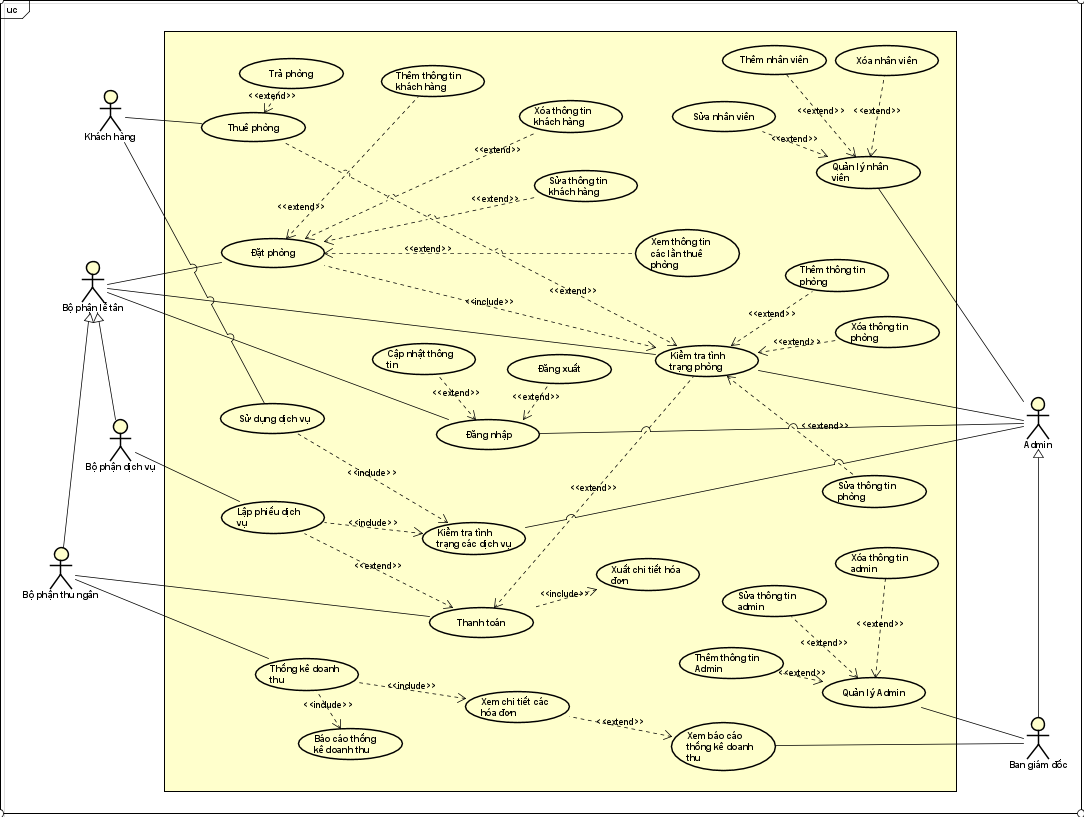
Bảng 1. …

1.5 Các Usecase trong hệ thống

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Tên Use Case** | **Mô tả** | **Tác nhân tương ứng** |
| **UC01** | Đăng nhập | Use case này mô tả các bước đăng nhập của các actor vào hệ thống. | Bộ phận lễ tân, các admin, bộ phận thu ngân, bộ phận kinh doanh, ban giám đốc |
| **UC02** | Đăng xuất | Use case này mô tả các bước đăng xuất của các actor ra khỏi hệ thống. | Bộ phận lễ tân, các admin, bộ phận thu ngân, bộ phận kinh doanh, ban giám đốc |
| **UC03** | Cập nhật thông tin | Use case cho phép các actor tự thay đổi các thông tin cá nhân cần thiết | Bộ phận lễ tân, các admin, bộ phận thu ngân, bộ phận kinh doanh, ban giám đốc |
| **UC04** | Thuê phòng | Usecase này cho phép khách hàng tiến hành việc thuê phòng của khách sạn thông qua việc liên hệ trực tiếp với bộ phận lễ tân | Khách hàng |
| **UC05** | Đặt phòng | Use case này cho phép bộ phận lễ tân tiếp nhận việc đặt phòng của khách hàng. | Bộ phận lễ tân |
| **UC06** | Kiểm tra tình trạng phòng | Use case này cung cấp thông tin về tình trạng phòng của 1 phòng bất kỳ nào đó cho các actor. | Toàn bộ hệ thống bao gồm cả khách hàng |
| **UC07** | Sử dụng dịch vụ | Usecase này mô tả việc khách hàng sử dụng các dịch vụ do khách sạn cung cấp | Khách hàng |
| **UC08** | Kiểm tra tình trạng các dịch vụ | Use case này cung cấp thông tin về tình trạng các dịch vụ do khách sạn cung cấp | Khách hàng và bộ phận dịch vụ, các admin và ban giám đốc |
| **UC09** | Lập phiếu dịch vụ | Use case này cho phép bộ phận dịch vụ tiếp nhận yêu cầu và lập phiếu sử dụng dịch vụ của khách hàng khi đã kiểm tra tình trạng các dịch vụ có thể cung cấp được cho khách hàng | Bộ phận dịch vụ |
| **UC10** | Thanh toán | Usecase này cho phép nhân viên thu ngân thanh toán chi phí thuê phòng và sử dụng dịch vụ của khách thuê phòng | Bộ phận thu ngân |
| **UC11** | Thống kê doanh thu | Use case này cho phép nhân viên của bộ phận thu ngân thống kê doanh thu của khách sạn theo yêu cầu của ban giám đốc | Bộ phận thu ngân |
| **UC12** | Xem chi tiết hóa đơn | Usecase này cho phép các actor truy cập đến các hóa đơn đã thanh toán của các khách hàng | Bộ phận thu ngân và Ban giám đốc |
| **UC13** | Báo cáo thống kê doanh thu | Usecase này cho phép nhân viên của bộ phận thu ngân tổng hợp và báo cáo doanh thu cho ban giám đốc | Bộ phận thu ngân |
| **UC14** | Xem báo cáo thống kê doanh thu | Usecase này cung cấp bản báo cáo doanh thu từ bộ phận thu ngân cho ban giám đốc | Ban giám đốc |
| **UC15** | Quản lý thông tin nhân viên. | Usecase này cho phép các Admin quản lý các hoạt động thêm, xóa, sửa nhân viên trong khách sạn | Admin. |
| **UC16** | Quản lý thông tin admin. | Usecase này cho phép ban giám đốc quản lý các hoạt động thêm, xóa, sửa các admin của hệ thống | Ban giám đốc |

CHƯƠNG 2 – VẼ SƠ ĐỒ USECASE

2.1 Sơ đồ Usecase tổng quát cho hệ thống quản lý khách sạn

****

Chi tiết sơ đồ Usecase được gửi kèm theo trong hai file UCD\_QLKS.png ( file ảnh) và file UCD\_QuanLyKhachSan.asta ( file astah)

CHƯƠNG 3 – ĐẶC TẢ USECASE

3.1 Usecase Đăng nhập ( UC01)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đăng nhập |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mô tả | Người dùng muốn sử dụng các chức năng của hệ thống |
| Mục đích | Đăng nhập tài khoản của người dùng vào hệ thống và sử dụng |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn “Đăng nhập” |
| Điều kiện tiên quyết | - Tài khoản người dùng đã được tạo sẵn  - Tài khoản người dùng đã được phân quyền  - Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập |
| Điều kiện sau | Người dùng đăng nhập ứng dụng thành công |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng khởi động  2. Người dùng nhập tài khoản, mật khẩu  3. Người dùng nhấn vào nút đăng nhập | 2.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản, mật khẩu có hợp lệ hay không, nếu không yêu cầu người dùng nhập đúng | | 3.1 Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập, nếu sai thì yêu cầu nhập lại | |
| Kết quả | Hệ thống hiển thị giao diện sử dụng của người dùng |
| Ngoại lệ | Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo.  Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập và thoát chương trình. |

3.2 Usecase Đăng xuất ( UC02)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đăng xuất |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mô tả | Người dùng muốn kết thúc việc sử dụng các chức năng của hệ thống hoặc đăng xuất tài khoản khỏi ứng dụng |
| Tác nhân | Bộ phận lễ tân, bộ phận dịch vụ, bộ phận thu ngân, ban giám đốc, admin |
| Mục đích | Đăng xuất tài khoản của người dùng ra khỏi hệ thống |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn “Đăng xuất” |
| Điều kiện sau | Người dùng đăng xuất hoặc thoát ứng dụng thành công |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng nhấn đăng xuất  2. Người dùng nhấn vào nút xác nhận đăng xuất | 1.1 Hệ thống yêu cầu xác nhận đăng xuất | |  | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng nhấn vào nút thoát chương trình  2. Người dùng nhấn vào nút xác nhận thoát chương trình | 1.1 Hệ thống yêu cầu xác nhận thoát chương trình | |  | |
| Kết quả | Hệ thống đăng xuất tài khoản người dùng và quay trở về giao diện đăng nhập |
| Ngoại lệ | Người dùng chọn lệnh hủy đăng xuất và tiếp tục sử dụng hệ thống. |

3.2 Usecase Cập nhật thông tin ( UC03)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật thông tin |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng đang sử dụng hệ thống và người cập nhật thông tin cá nhân trên hệ thống |
| Mô tả | Khi người dung có nhu cầu cập nhật thông tin cá nhân trên hệ thống, nút Cập nhật thông tin được kích hoạt để thực hiện chức  năng Cập nhật thông tin |
| Mục đích | Cập nhật thông tin của người dùng |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Cập nhật thông tin” |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Người dùng cập nhật thông tin thành công |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng nhấn vào nút Cập nhật thông tin  2. Người dùng nhập thông tin cần cập nhật  3. Người dùng nhấn vào nút Cập nhật  4. Người dùng nhấn vào nút Xác nhận | 2.1 Hệ thống kiểm tra thông tin nhập có hợp lệ hay không  3.1 Hệ thống xác nhận người dùng có đồng ý với thông tin đã cập nhật hay không | |  | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng nhấn vào nút Cập nhật thông tin  2. Người dùng nhấn vào nút Back  3. Người dùng xác nhận thoát khỏi chức năng Cập nhật thông tin | 2.1 Hệ thống yêu cầu xác nhận thoát chức năng Cập nhật thông tin | |  | |
| Kết quả | Hệ thống cập nhật thông tin người dùng và quay trở về giao diện sử dụng ban đầu |
| Ngoại lệ | Người dùng chọn lệnh hủy cập nhật và tiếp tục sử dụng hệ thống. |

3.4 Usecase Thuê phòng ( UC04)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thuê phòng |
| Ngữ cảnh | Khi khách hàng thuê phòng của khách sạn |
| Mô tả | Khách hàng liên hệ với bộ phận lễ tân để tiến hành việc thuê phòng. Khách hàng có thể kiểm tra tình trạng phòng trước khi đặt phòng. |
| Mục đích | Tiến hành các thủ tục trước khi thuê phòng cho khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Không |
| Điều kiện sau | Trạng thái thuê phòng của khách hàng |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Khách hàng liên hệ với bộ phận lễ tân  2. Bộ phận lễ tân kiểm tra tình trạng phòng và thông báo cho khách hàng  3. Khách hàng tiến hành các thủ tục đặt phòng | 2.1 Hệ thống kiểm tra tình trạng phòng và hiển thị cho người dùng | | 3.1 Hệ thống gửi yêu cầu xác nhận cập nhật thông tin | |
| Kết quả | Hệ thống hiển thị giao diện sử dụng của người dùng và cập nhật thông tin khách hàng, trạng thái đặt phòng |
| Ngoại lệ | Hệ thống xác thực thông tin thuê phòng, thông tin khách hàng không thành công và hiển thị thông báo. |

3.5 Usecase Đặt phòng ( UC05)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đặt phòng |
| Ngữ cảnh | Khi khách hàng thuê phòng của khách sạn và bộ phận lễ tân tiến hành đặt phòng cho khách trọ |
| Mô tả | Khách hàng liên hệ với bộ phận lễ tân để tiến hành việc thuê phòng, khi đó bộ phận lễ tân sử dụng chức năng đặt phòng của hệ thống để tiến hành công việc thuê phòng cho khách hàng |
| Mục đích | Tiến hành việc thuê phòng cho khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Đặt phòng” |
| Stackeholers | Khách hàng |
| UC liên quan | Đăng nhập hệ thống. |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống, được phân quyền sử dụng |
| Điều kiện sau | Trạng thái thuê phòng của khách hàng |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Khách hàng liên hệ với bộ phận lễ tân  2. Bộ phận lễ tân kiểm tra tình trạng phòng, thông tin các lần thuê phòng của khách hàng nếu có và thông báo cho khách hàng  3. Khách hàng tiến hành các thủ tục đặt phòng  4. Bộ phận lễ tân cập nhật như thêm, xóa, sửa thông tin khách hàng, trạng thái phòng. | 2.1 Hệ thống kiểm tra tình trạng phòng và hiển thị cho người dùng  4.1 Hệ thống yêu cầu nhập thông tin khách hàng, trạng thái phòng | | 4.2 Hệ thống gửi yêu cầu xác nhận cập nhật thông tin khách hàng, trạng thái phòng. | |
| Kết quả | Hệ thống hiển thị giao diện sử dụng của người dùng và cập nhật thông tin khách hàng, trạng thái đặt phòng. |
| Ngoại lệ | Hệ thống xác thực thông tin thuê phòng, thông tin khách hàng không thành công và hiển thị thông báo. |

3.6 Usecase Kiểm tra tình trạng phòng ( UC06)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Kiểm tra tình trạng phòng. |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Kiểm tra tình trạng phòng của khách sạn |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Đặt phòng” 🡪 Chọn “Kiểm tra tình trạng phòng.” |
| Mô tả | Kiểm tra tình trạng phòng trước khi tiến hành việc thuê phòng cho khách trọ hoặc các admin, ban giám đốc kiểm tra tình trạng phòng của khách sạn |
| Tác nhân | Bộ phận lễ tân, admin, ban giám đốc |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Stakeholders | Bộ phận lễ tân, admin, ban giám đốc, khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền  Đã có thông tin trong Database |
| Điều kiện sau | Cập nhật lại thông tin trong Database. |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Đăng nhập vào hệ thống |  | | 2. Chọn mở “Đặt phòng” 🡪 Chọn “Kiểm tra tình trạng phòng.” |  | |  | 3. Hiển thị trạng thái phòng | | 4.Nhân viên thông báo với khách hàng về trạng thái phòng của khách sạn |  | |
| Ngoại lệ | Không |

3.7 Usecase Sử dụng dịch vụ ( UC07)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Sử dụng dịch vụ |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Khách hàng sử dụng dịch vụ do khách sạn cung cấp |
| Mô tả | Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ do khách sạn cung cấp và liên hệ với bộ phận dịch vụ |
| Tác nhân | Khách hàng |
| Stakeholders | Bộ phận dịch vụ |
| Điều kiện tiên quyết | Đã thuê phòng của khách sạn |
| Điều kiện sau | Sử dụng dịch vụ do khách sạn cung cấp |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin các dịch vụ | 1.1 Hiển thị các thông tin về dịch vụ do khách sạn cung cấp | | 2. Liên hệ bộ phận dịch vụ để sử dụng dịch vụ |  | |
| Ngoại lệ | Không |

3.8 Usecase Kiểm tra tình trạng các dịch vụ ( UC08)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Kiểm tra tình trạng các dịch vụ |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Kiểm tra tình trạng các dịch vụ |
| Mô tả | Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ do khách sạn cung cấp và liên hệ với bộ phận dịch vụ, khi đó bộ phận dịch vụ sẽ tiến hành kiểm tra tình trạng các dịch vụ trước khi cung cấp cho khách hàng. Ngoài ra các admin, ban giám đốc cũng có thể xem tình trạng các dịch vụ để quản lý |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Dịch vụ” 🡪 Chọn “Kiểm tra tình trạng các dịch vụ”. |
| Tác nhân | Bộ phận dịch vụ, Admin, ban giám đốc |
| UC liên quan | Đăng nhập, Lập phiếu dịch vụ, Sử dụng dịch vụ |
| Stakeholders | Khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống hoặc là khách hàng đã thuê phòng có nhu cầu kiểm tra tình trạng dịch vụ |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin trạng thái các dịch vụ của khách sạn |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin các dịch vụ | 1.1 Hiển thị các thông tin về dịch vụ do khách sạn cung cấp | | 2. Kiểm tra trạng thái các dịch vụ đó | 2.1 Hệ thống hiển thị thông tin trạng thái các dịch vụ | |
| Ngoại lệ | Không |

3.9 Usecase Lập phiếu sử dụng dịch vụ ( UC09)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Lập phiếu sử dụng dịch vụ |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Lập phiếu cho khách hàng khi họ sử dụng dịch vụ do khách sạn cung cấp |
| Mô tả | Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ do khách sạn cung cấp và liên hệ với bộ phận dịch vụ, khi đó bộ phận dịch vụ sẽ kiểm tra tình trạng dịch vụ và thông báo với khách hàng và lập phiếu sử dụng dịch vụ cho khách |
| Tác nhân | Bộ phận dịch vụ |
| Stakeholders | Khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Lập phiếu sử dụng dịch vụ cho khách hàng |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin các dịch vụ | 1.1 Hiển thị các thông tin về dịch vụ do khách sạn cung cấp | | 2. Kiểm tra trạng thái các dịch vụ đó | 2.1 Hệ thống hiển thị thông tin trạng thái các dịch vụ | | 3. Lập phiếu sử dụng dịch vụ |  | |
| Ngoại lệ | Không |

3.10 Usecase Thanh toán ( UC10)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Thanh toán |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Thanh toán hóa đơn của khách hàng |
| Mô tả | Khi khách hàng tiến hành trả phòng ( Usecase trả phòng), khi đó bộ phận thu ngân sẽ Thanh toán hóa đơn của khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Thanh toán” |
| Tác nhân | Bộ phận thu ngân |
| UC liên quan | Đăng nhập, kiểm tra tình trạng phòng, lập phiếu dịch vụ |
| Stakeholders | Khách hàng, bộ phận dịch vụ, bộ phận lễ tân |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin chi tiết hóa đơn của khách hàng |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin sử dụng phòng | 1.1 Hiển thị các thông tin phòng của khách hàng | | 2. Xem thông tin sử dụng dịch vụ | 2.1 Hiển thị thông tin sử dụng dịch vụ của khách hàng | | 3. Tính tổng chi phí sử dụng của khách hàng | 3.1 Hiển thị tổng chi phí khách hàng cần trả | | 4. Xuất chi tiết hóa đơn |  | |
| Ngoại lệ | Không |

3.11 Usecase Thống kê doanh thu ( UC11)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Thống kê doanh thu |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Thống kê doanh thu hằng tháng của khách sạn để làm báo cáo nộp cho ban giám đốc |
| Mô tả | Bộ phận thu ngân tổng hợp các chi tiết hóa đơn đã thanh toán hằng tháng để thống kê doanh thu của khách sạn sau đó làm báo cáo nộp cho ban giám đốc |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Thống kê doanh thu” |
| Tác nhân | Bộ phận thu ngân |
| UC liên quan | Đăng nhập, thanh toán, xem chi tiết hóa đơn |
| Stakeholders | Bộ phận dịch vụ, bộ phận lễ tân, ban giám đốc |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin doanh thu của khách sạn |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin các chi tiết hóa đơn | 1.1 Hiển thị các thông tin các chi tiết hóa đơn | | 2. Thống kê doanh thu của tháng hiện tại | 2.1 Tính tổng doanh thu của tháng và thống kê các sô liệu liên quan | | 3. So sánh doanh thu tháng hiện tại với các tháng trước đó | 3.1 Hiển thị thông tin doanh thu các tháng trước | | 4. Viết báo cáo thống kê doanh thu nộp cho ban giám đốc |  | |
| Ngoại lệ | Không |

3.12 Usecase Xem chi tiết hóa đơn ( UC12)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xem chi tiết hóa đơn |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Xem chi tiết các hóa đơn đã thanh toán của khách sạn |
| Mô tả | Bộ phận thu ngân tổng hợp các chi tiết hóa đơn đã thanh toán hằng tháng để thống kê doanh thu của khách sạn sau đó làm báo cáo nộp cho ban giám đốc. Hoặc ban giám đốc có thể xem các chi tiết hóa đơn đã xuất của khách sạn để quản lý. |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Thống kê doanh thu” , Chọn “Xem chi tiết hóa đơn” |
| Tác nhân | Bộ phận thu ngân, ban giám đốc |
| UC liên quan | Đăng nhập, thanh toán, xuất chi tiết hóa đơn |
| Stakeholders | Bộ phận dịch vụ, bộ phận lễ tân, ban giám đốc |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin doanh thu của khách sạn |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin các chi tiết hóa đơn | 1.1 Hiển thị các thông tin các chi tiết hóa đơn | |
| Ngoại lệ | Không |

3.13 Usecase Báo cáo thống kê doanh thu ( UC13)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Báo cáo thống kê doanh thu |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Lập báo cáo thống kê doanh thu |
| Mô tả | Bộ phận thu ngân tổng hợp các chi tiết hóa đơn đã thanh toán hằng tháng để thống kê doanh thu của khách sạn sau đó làm báo cáo nộp cho ban giám đốc. |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Thống kê doanh thu” , Chọn “Xem chi tiết hóa đơn”  Chọn “Viết báo cáo doanh thu” |
| Tác nhân | Bộ phận thu ngân |
| UC liên quan | Đăng nhập, thanh toán, xuất chi tiết hóa đơn, xem chi tiết hóa đơn |
| Stakeholders | Bộ phận dịch vụ, bộ phận lễ tân, ban giám đốc |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin doanh thu của khách sạn |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem các thông tin do hệ thống và nhân viên tổng hợp  2. Viết báo cáo doanh thu | 1.1. Tổng hợp các thông tin về doanh thu để làm báo các doanh thu | |
| Ngoại lệ | Không |

3.14 Usecase Xem báo cáo thống kê doanh thu ( UC14)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xem báo cáo thống kê doanh thu |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Xem bản báo cáo thống kê doanh thu |
| Mô tả | Ban giám đốc xem các bản thống kê doanh thu được gửi từ bộ phận thu ngân |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Xem báo cáo doanh thu” |
| Tác nhân | Ban giám đốc |
| UC liên quan | Đăng nhập, xem chi tiết doanh thu |
| Stakeholders | Bộ phận thu ngân |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin báo cáo doanh thu của khách sạn |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem báo cáo thống kê doanh thu của khách sạn | 1.1. Hiển thị báo cáo thống kê doanh thu | |
| Ngoại lệ | Không |

3.15 Usecase Quản lý thông tin nhân viên ( UC15)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lý thông tin nhân viên |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Quản lý các thông tin của nhân viên |
| Mô tả | Các admin có quyền quản lý các thông tin của nhân viên dựa trên các chức năng thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Quản lý nhân viên” |
| Tác nhân | Admin |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Stakeholders | Bộ phận lễ tân, bộ phận thu ngân, bộ phận dịch vụ |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin nhân viên |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin nhân viên | 1.1. Hiển thị thông tin nhân viên | |
| Luồng thay thế 1 ( Sửa thông tin nhân viên) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Sửa thông tin nhân viên  2. Nhập thông tin cần chỉnh sửa  3. Xác nhận cập nhật | 1.1. Hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin nhân viên  2.1 Hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin nhân viên  2.2 Kiểm tra các thông tin cập nhật hợp lệ hay không  3.1 Cập nhật lại thông tin đã chỉnh sửa | |
| Luồng thay thế 2 ( Thêm thông tin nhân viên) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Thêm thông tin nhân viên  2. Nhập thông tin cần thêm  3. Xác nhận cập nhật | 1.1. Hiển thị giao diện thêm thông tin nhân viên  2.1 Hiển thị giao diện nhập thông tin nhân viên  2.2 Kiểm tra các thông tin nhập có hợp lệ hay không  3.1 Cập nhật lại thông tin đã vừa được thêm | |
| Luồng thay thế 3 ( Xóa thông tin nhân viên) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xóa thông tin nhân viên  2. Chọn nhân viên cần xóa  3. Xác nhận xóa nhân viên | 1.1. Hiển thị giao diện danh sách các nhân viên  2.1 Hiển thị giao diện xác nhận xóa nhân viên  3.1 Cập nhật lại danh sách các nhân viên của khách sạn | |
| Ngoại lệ | Không |

3.16 Usecase Quản lý thông tin admin ( UC16)

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lý thông tin admin |
| Ngữ cảnh | Trực tiếp tại khách sạn |
| Mục đích | Quản lý các thông tin của admin |
| Mô tả | Ban giám đốc có quyền quản lý các thông tin của admin dựa trên các chức năng thêm, xóa, sửa thông tin admin |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn mở “Quản lý Admin” |
| Tác nhân | Ban giám đốc |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Stakeholders | admin |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống và được phân quyền |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông tin các admin |
| Luồng hoạt động | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xem thông tin admin | 1.1. Hiển thị thông tin admin | |
| Luồng thay thế 1 ( Sửa thông tin admin) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Sửa thông tin admin  2. Nhập thông tin cần chỉnh sửa  3. Xác nhận cập nhật | 1.1. Hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin admin  2.1 Hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin admin  2.2 Kiểm tra các thông tin cập nhật hợp lệ hay không  3.1 Cập nhật lại thông tin đã chỉnh sửa | |
| Luồng thay thế 2 ( Thêm thông tin admin) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Thêm thông tin admin  2. Nhập thông tin cần thêm  3. Xác nhận cập nhật | 1.1. Hiển thị giao diện thêm thông tin admin  2.1 Hiển thị giao diện nhập thông tin admin  2.2 Kiểm tra các thông tin nhập có hợp lệ hay không  3.1 Cập nhật lại thông tin đã vừa được thêm | |
| Luồng thay thế 3 ( Xóa thông tin admin) | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Xóa thông tin admin  2. Chọn admin cần xóa  3. Xác nhận xóa admin | 1.1. Hiển thị giao diện danh sách các admin  2.1 Hiển thị giao diện xác nhận xóa admin  3.1 Cập nhật lại danh sách các admin của khách sạn | |
| Ngoại lệ | Không |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. John W. Satzinger and Robert B. Jackson and Stephen D. Brud (2010). Systems Analysis Activities.  Systema Analysis and Design, fifth edition, Cengage Learning, 2, 166-280.